

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ- ST

Ngày 07/02/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị T (tức Hoàng Thị L), sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Anh N và chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn và bị đơn trình bày: Anh N và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/4/2016 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh N tại thôn 4, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do sự khác biệt về lối sống và quan

điểm sống giữa hai vợ chồng và giữa hai vùng miền. Vợ chồng thường xuyên có những bất đồng từ những việc nhỏ trong sinh hoạt gia đình. Mặt khác, vợ chồng không thống nhất được về nơi ở, chị T muốn vợ chồng về Lào Cai sinh sống nhưng anh N không đồng ý. Tháng 6/2016, chị T đã về quê sống cho đến nay. Anh N và chị T cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục về sống với nhau được nữa, anh N khởi kiện xin ly hôn, chị T đồng ý. Về con chung: Anh N và chị T có một con chung là Hoàng Việt B, sinh ngày 16/9/2016, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh N đồng ý. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Anh N và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh N ly hôn chị T; về quan hệ con chung: Xử giao cháu Hoàng Việt B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Anh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh N khởi kiện xin ly hôn chị T có nơi cư trú tại huyện B, tỉnh Lào Cai nhưng anh chị có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nơi cư trú của anh N) giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N và chị T đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T đăng ký kết hôn ngày 05/4/2016 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian ngắn sống chung, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị có khác biệt lớn về quan điểm sống nên có bất đồng từ những việc nhỏ trong sinh hoạt gia đình. Mặt khác, anh chị không thống nhất được về nơi ở, chị T muốn vợ chồng về Lào Cai sinh sống nhưng anh N không đồng ý. Từ tháng 6/2016 đến nay, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở huyện B, tỉnh Lào Cai sinh sống, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm

vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục về sống chung với nhau được nữa, anh N xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sinh sống cùng chị T. Hiện tại chị T đang làm việc tại địa phương, có thu nhập và điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị, đảm bảo quyền lợi của con chung nên cần chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Anh N và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn N:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đặng Văn N ly hôn chị Hoàng Thị T (tức Hoàng Thị L).

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Hoàng Việt B, sinh ngày 16/9/2016 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị T về việc không yêu cầu anh Đặng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đặng Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Đặng Văn N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001406 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, anh N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: TA, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Hiệu